

## **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

## MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 7
Báo cáo thu nhập	8
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	9
Báo cáo danh mục đầu tư	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 47
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (*)	48 - 56
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát (*)	57

(\*) Các báo cáo này được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát lập theo quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài Chính ban hành và không phải là một phần của báo cáo tài chính.

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 59/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 7 năm 2014 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 16/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.511.338,59 chứng chỉ quỹ ("CCQ") với tổng giá trị là 65.113.385.900 VND, chiếm 130,23% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 484.448.563.200 VND tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Lầu 4, Manulife Plaza, số 75 Hoàng Văn Thái, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng HSBC") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Ngân hàng HSBC được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2013. Ngân hàng HSBC được chấp thuận nội dung "Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán" vào Giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV"):

- Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hai (2) lần/tuần vào thứ Tư và thứ Sáu hàng tuần.
- Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Mục tiêu của Quỹ là đem đến sự tăng trưởng giá trị đầu tư vốn trong thời gian từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư vào danh mục cổ phiếu chủ yếu là cổ phiếu niêm yết với một tỷ trọng lớn trong danh mục, tập trung vào các cổ phiếu tốt trong các ngành có hoạt động kinh doanh ít phụ thuộc vào sự thay đổi của chu kỳ kinh tế và các ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Chiến lược đầu tư của Quỹ là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư nhằm đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục.

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn ("TNHH") Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005 và được điều chỉnh tùy từng thời điểm, và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303861449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005 và được đăng ký thay đổi tùy từng thời điểm.

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Đinh Thế Hiển	Chủ tịch	Ngày 6 tháng 10 năm 2014
Ông Võ Sáng Xuân Vinh	Thành viên	Ngày 6 tháng 10 năm 2014
Bà Nguyễn Lê Bích Đào	Thành viên	Ngày 20 tháng 11 năm 2015

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo là bà Trần Thị Kim Cương - Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Tổng Giám đốc"), với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Đinh Thế Hiển  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023



Số tham chiếu: 61212285/22987353

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife ("Quỹ"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)***

Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam), là Công ty Quản lý Quỹ, ("Tổng Giám đốc") chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Đặng Phương Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

  
Huỳnh Nhật Hưng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023



# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN</b>			
<b>110</b>	<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>24.242.071.952</b>	<b>46.175.955.864</b>
111	1. Tiền gửi ngân hàng		24.242.071.952	46.175.955.864
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư thuần</b>		<b>595.212.622.100</b>	<b>573.246.980.300</b>
121	1. Các khoản đầu tư	6	595.212.622.100	573.246.980.300
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu</b>		<b>1.835.140.430</b>	<b>1.259.984.584</b>
131	1. Phải thu về bán các khoản đầu tư		375.815.430	-
136	2. Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận	11	1.459.325.000	1.226.633.200
137	3. Phải thu khác		-	33.351.384
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>621.289.834.482</b>	<b>620.682.920.748</b>
<b>300</b>	<b>B. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
312	1. Phải trả về bán các khoản đầu tư		2.993.723.859	-
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		168.762.308	1.365.477.973
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		11.306.374	32.370.155
316	4. Chi phí phải trả	7	520.212.000	147.418.402
317	5. Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		32.950.000	600.839.000
318	6. Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		1.848.202.272	5.992.552.183
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	8	1.049.895.949	1.012.722.577
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.625.052.762</b>	<b>9.151.380.290</b>
<b>400</b>	<b>C. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (C=A-B)</b>		<b>614.664.781.720</b>	<b>611.531.540.458</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		484.448.563.200	329.703.578.100
412	1.1 Vốn góp phát hành	9	821.434.905.000	565.784.496.200
413	1.2 Vốn góp mua lại	9	(336.986.341.800)	(236.080.918.100)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	9	254.055.851.284	141.720.959.966
420	3. (Lỗ)/lợi nhuận lũy kế	10	(123.839.632.764)	140.107.002.392
<b>430</b>	<b>D. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>		<b>12.688</b>	<b>18.548</b>



## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

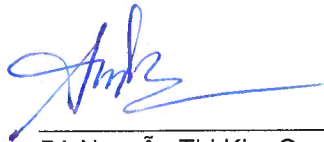
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

B02-QM

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	15	48.444.856,32	32.970.357,81

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)



Bà Nguyễn Thị Kim Oanh  
Người lập



Bà Lê Thị Kim Dung  
Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Kim Cương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO THU NHẬP  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>01</b>	<b>I. (Lỗ)/thu nhập hoạt động đầu tư</b>		<b>(247.579.588.926)</b>	<b>121.332.166.300</b>
02	1. Cổ tức được chia	11	8.569.350.754	5.277.902.550
04	2. (Lỗ)/lãi bán các khoản đầu tư	12	(139.707.081.246)	57.428.959.652
05	3. Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	(116.441.858.434)	58.625.304.098
<b>10</b>	<b>II. Chi phí hoạt động đầu tư</b>		<b>1.929.866.152</b>	<b>1.230.109.907</b>
11	1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	13	1.929.866.152	1.230.109.907
<b>20</b>	<b>III. Chi phí hoạt động Quỹ mở</b>		<b>14.437.180.078</b>	<b>7.871.427.482</b>
20.1	1. Phí quản lý Quỹ	19.1	12.074.134.114	6.491.696.145
20.2	2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	19.2	556.136.826	311.720.118
20.3	3. Phí dịch vụ giám sát	19.2	186.729.437	102.963.128
20.4	4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ	19.2	309.736.277	171.364.219
20.5	5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	19.2	554.540.939	494.138.464
20.7	6. Chi phí họp, đại hội Quỹ		515.225.885	44.630.708
20.8	7. Chi phí kiểm toán		113.400.000	115.500.000
20.10	8. Chi phí hoạt động khác		127.276.600	139.414.700
<b>23</b>	<b>IV. Kết quả hoạt động đầu tư</b>		<b>(263.946.635.156)</b>	<b>112.230.628.911</b>
<b>24</b>	<b>V. Kết quả thu nhập khác và chi phí khác</b>		-	-
<b>30</b>	<b>VI. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>(263.946.635.156)</b>	<b>112.230.628.911</b>
31	1. (Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện		(147.504.776.722)	53.605.324.813
32	2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(116.441.858.434)	58.625.304.098
<b>40</b>	<b>VII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")</b>		-	-
<b>41</b>	<b>VIII. (Lỗ)/lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>		<b>(263.946.635.156)</b>	<b>112.230.628.911</b>

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)



Bà Nguyễn Thị Kim Oanh  
Người lập



Bà Lê Thị Kim Dung  
Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Kim Cương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
I	<b>Giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ đầu năm</b>	<b>611.531.540.458</b>	<b>210.082.289.885</b>
II	<b>Thay đổi NAV trong năm</b>	<b>(263.946.635.156)</b>	<b>112.230.628.911</b>
1	<i>Trong đó:</i> - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	(263.946.635.156)	112.230.628.911
III	<b>Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ</b>	<b>267.079.876.418</b>	<b>289.218.621.662</b>
1	<i>Trong đó:</i> - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	429.889.736.838	510.148.911.764
2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(162.809.860.420)	(220.930.290.102)
IV	<b>NAV của Quỹ cuối năm</b>	<b>614.664.781.720</b>	<b>611.531.540.458</b>

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)



Bà Nguyễn Thị Kim Oanh  
Người lập



Bà Lê Thị Kim Dung  
Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Kim Cương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu</b>			<b>595.212.622.100</b>	<b>95,80</b>
1	FPT	932.449	76.900	71.705.328.100	11,54
2	VCB	731.333	80.000	58.506.640.000	9,42
3	MWG	1.024.424	42.900	43.947.789.600	7,07
4	PNJ	420.404	89.900	37.794.319.600	6,08
5	CTG	1.121.998	27.250	30.574.445.500	4,92
6	ACB	1.365.513	21.900	29.904.734.700	4,81
7	REE	414.635	71.500	29.646.402.500	4,77
8	BID	749.503	38.600	28.930.815.800	4,66
9	GMD	590.500	45.400	26.808.700.000	4,32
10	MBB	1.478.923	17.100	25.289.583.300	4,07
11	GAS	220.380	101.500	22.368.570.000	3,60
12	BMP	364.100	60.000	21.846.000.000	3,52
13	CTR	415.700	50.400	20.951.280.000	3,37
14	DGW	544.400	37.750	20.551.100.000	3,31
15	VIB	930.000	19.000	17.670.000.000	2,84
16	VNM	220.000	76.100	16.742.000.000	2,69
17	SAB	77.790	166.900	12.983.151.000	2,09
18	DHC	380.300	32.800	12.473.840.000	2,01
19	DGC	208.500	58.900	12.280.650.000	1,98
20	BWE	236.500	49.500	11.706.750.000	1,88
21	KDH	354.038	26.500	9.382.007.000	1,51
22	TLG	144.700	51.000	7.379.700.000	1,19
23	VHC	88.700	69.800	6.191.260.000	1,00
24	VGC	179.600	33.800	6.070.480.000	0,98
25	PTB	94.300	41.900	3.951.170.000	0,64
26	TCB	130.000	25.850	3.360.500.000	0,54
27	DPM	62.400	42.950	2.680.080.000	0,43
28	PVD	121.600	17.850	2.170.560.000	0,35
29	VPB	49.500	17.900	886.050.000	0,14
30	NT2	15.900	28.850	458.715.000	0,07

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)
<b>II</b>	<b>Các tài sản khác</b>			<b>1.835.140.430</b>	<b>0,30</b>
1	Cổ tức dự thu			1.459.325.000	0,23
2	Phải thu về bán các khoản đầu tư			375.815.430	0,07
<b>III</b>	<b>Tiền và tương đương tiền</b>			<b>24.242.071.952</b>	<b>3,90</b>
1	Tiền gửi ngân hàng			24.242.071.952	3,90
<b>IV</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>621.289.834.482</b>	<b>100,00</b>

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)



Bà Nguyễn Thị Kim Oanh  
Người lập



Bà Lê Thị Kim Dung  
Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Kim Cương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	<b>1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế</b>		<b>(263.946.635.156)</b>	<b>112.230.628.911</b>
	<i>Điều chỉnh:</i>			
03	Các khoản giảm/(tăng) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		116.441.858.434	(58.625.304.098)
04	Tăng/(giảm) chi phí trích trước		372.793.598	(5.381.598)
05	<b>2. (Lỗ)/lãi từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(147.131.983.124)</b>	<b>53.599.943.215</b>
20	Tăng các khoản đầu tư		(138.407.500.234)	(306.853.988.152)
06	Tăng các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư		(375.815.430)	-
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(232.691.800)	(979.516.600)
08	Giảm/(tăng) phải thu khác		33.351.384	(33.351.384)
10	Tăng phải trả cho người bán		2.993.723.859	-
11	(Giảm)/tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		(1.196.715.665)	1.225.439.985
13	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(21.063.781)	26.458.151
14	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		(567.889.000)	342.211.000
15	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		(4.144.349.911)	5.992.552.183
17	Tăng phải trả cho dịch vụ quản lý Quỹ		37.173.372	666.551.417
19	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(289.013.760.330)</b>	<b>(246.013.700.185)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	9	429.889.736.838	510.148.911.764
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	9	(162.809.860.420)	(220.930.290.102)
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>267.079.876.418</b>	<b>289.218.621.662</b>
40	<b>III. (Giảm)/tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>(21.933.883.912)</b>	<b>43.204.921.477</b>
50	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	5	<b>46.175.955.864</b>	<b>2.971.034.387</b>
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		46.175.955.864	2.971.034.387
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		45.575.116.864	2.712.406.387
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		600.839.000	258.628.000

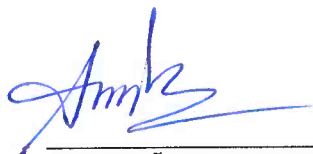
## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

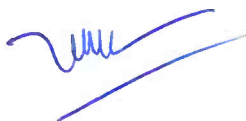
B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
55	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>5</b>	<b>24.242.071.952</b>	<b>46.175.955.864</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		24.242.071.952	46.175.955.864
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		24.209.121.952	45.575.116.864
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		32.950.000	600.839.000
61	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm</b>		<b>(21.933.883.912)</b>	<b>43.204.921.477</b>

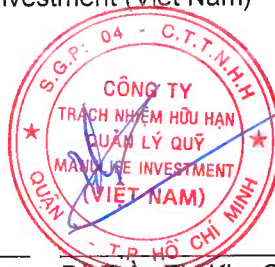
Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)



Bà Nguyễn Thị Kim Oanh  
Người lập



Bà Lê Thị Kim Dung  
Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Kim Cương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023



# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1.1 Thông tin về Quỹ

#### Quỹ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 59/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 7 năm 2014 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 16/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Lầu 4, Manulife Plaza, số 75 Hoàng Văn Thái, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điều lệ Quỹ được ban hành trong tháng 5 năm 2014 và bản sửa đổi mới nhất được ban hành trong tháng 4 năm 2021.

#### Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) (trước đây là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005.

#### Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng HSBC") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Ngân hàng HSBC được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2013. Ngân hàng HSBC được chấp thuận bổ sung nội dung "Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán" vào Giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

### 1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

#### Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.511.338,59 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 65.113.385.900 đồng, chiếm 130,23% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 484.448.563.200 đồng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

#### Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là đem đến sự tăng trưởng giá trị đầu tư vốn trong thời gian từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư vào danh mục cổ phiếu chủ yếu là cổ phiếu niêm yết với một tỷ trọng lớn trong danh mục, tập trung vào các cổ phiếu tốt trong các ngành có hoạt động kinh doanh ít phụ thuộc vào sự thay đổi của chu kỳ kinh tế và các ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

#### Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV):

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hai (02) lần/tuần vào thứ Tư và thứ Sáu hàng tuần.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Quỹ thực hiện giao dịch chứng chỉ Quỹ một tuần hai (02) lần vào ngày thứ Tư và thứ Sáu. Trong trường hợp ngày giao dịch là ngày lễ thì Quỹ sẽ không thực hiện giao dịch trong tuần đó.

#### Hạn chế đầu tư

Hạn chế đầu tư của Quỹ:

- a) Danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành;
- b) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng và chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ, được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- d) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan của một tổ chức phát hành;
- e) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- f) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng;
- g) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng và quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- i) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của chính quỹ đó;
- j) Chỉ được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công Ty Quản Lý Quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
  - Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào Chứng Chỉ Quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các Chứng Chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

k) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

Trừ trường hợp quy định tại điểm a, h, i, k được nêu trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;
- c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ điều chỉnh;
- e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập: Mẫu số B01-QM
2. Báo cáo tình hình tài chính: Mẫu số B02-QM
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ: Mẫu số B03-QM
4. Báo cáo danh mục đầu tư: Mẫu số B04-QM
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B05-QM
6. Thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B06-QM

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là Nhật ký Chung.

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là VND.

## 3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Đại diện cam kết Quỹ đã tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 198 trong việc lập báo cáo tài chính.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1. *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 4.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch.

#### 4.3.1 Nguyên tắc phân loại

Các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được phân loại theo các loại tài sản tài chính (cổ phiếu, trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, công cụ phái sinh,...) và theo hình thức giao dịch (giao dịch qua sàn giao dịch chứng khoán hoặc không qua sàn giao dịch chứng khoán ("OTC")). Đối với hình thức giao dịch OTC chỉ bao gồm các khoản đầu tư chuẩn bị niêm yết.

#### 4.3.2 Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc trên khoản mục "*Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận*" trên báo cáo tình hình tài chính.

#### 4.3.3 Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "*Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận*" trên báo cáo tình hình tài chính.

#### 4.3.4 Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các Ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98 và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

#### 4.3.5 Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong sổ tay định giá như sau:

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

##### 4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (không niêm yết và có thời gian đáo hạn còn lại không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua) và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	<p>Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>Trường hợp không có giá yết nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền dựa trên thời gian nắm giữ công cụ và căn cứ vào lãi suất định giá theo phương pháp định giá hợp lý, chi tiết được trình bày cụ thể trong sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</p>
<b>Trái phiếu</b>		
6.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu hủy niêm yết do đến thời gian đáo hạn hoặc được tổ chức phát hành mua lại toàn bộ trước thời gian đáo hạn, Trái phiếu đã được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;</li><li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá thì mức giá được xác định theo phương pháp định giá trái phiếu hợp lý, chi tiết được trình bày cụ thể trong sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li></ul>

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

##### 4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Trái phiếu (tiếp theo)</b>		
7.	Trái phiếu không niêm yết (có thời gian đáo hạn còn lại trên ba (3) tháng kể từ ngày mua) hoặc chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<p>Giá trái phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giá trung bình tại ngày gần nhất trước ngày định giá do hai (02) công ty chứng khoán cung cấp cộng lãi lũy kế (nếu giá chưa bao gồm lãi lũy kế);</li><li>- Giá dựa trên báo giá của một (01) công ty chứng khoán cung cấp cộng lãi lũy kế (nếu giá chưa bao gồm lãi lũy kế);</li><li>- Giá sạch (clean price) của giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.</li></ul>
<b>Cổ phiếu</b>		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li><li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.</li></ul>
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li><li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.</li></ul>
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.



## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

##### 4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Cổ phiếu (tiếp theo)</b>		
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp.</p> <p>Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá;</li><li>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;</li><li>+ Giá mua</li></ul>
13.	Cổ phiếu đang trong giai đoạn hủy đăng ký giao dịch hoặc hủy niêm yết trên sàn giao dịch cũ để chuyển sang sàn giao dịch mới	<p>Giá thị trường kể từ ngày hiệu lực hủy đăng ký giao dịch hoặc hủy niêm yết trên sàn giao dịch cũ cho đến ngày trước ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu này trên sàn giao dịch mới được xác định là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của cổ phiếu này tại ngày có giao dịch trên sàn cũ gần nhất trước ngày định giá</p>
<b>Chứng khoán phái sinh</b>		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	<p>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.</p>
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá	<p>Giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.</p>
<b>Các tài sản khác</b>		
16.	Bất động sản	<p>Giá được định giá bởi doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm gần nhất.</p>
17.	Các tài sản được phép đầu tư khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.</p>

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

#### *Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại đầu ngày giao dịch.

#### *Quyền mua cổ phiếu*

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập báo cáo theo giá trị thị trường sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền để mua một cổ phiếu mới.

### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Quỹ tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu này. Theo đó, mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích lập dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

### 4.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 4.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

#### 4.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

##### *Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ Quỹ sau khi quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

##### *Vốn góp mua lại*

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

##### *Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư*

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

#### 4.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)

Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện, với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)".

### 4.7 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 4.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

#### Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát và Lưu ký (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### 4.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các chi phí phát sinh của Quỹ được dự chi theo ngày thực tế trong năm định giá tương ứng với khoản dự chi phát sinh trong năm tài chính trên cơ sở một năm có 365 ngày. Chi tiết một số chi phí chủ yếu của Quỹ như sau:

#### Phí quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Phí quản lý được tính theo công thức như sau:

$$\text{Phí quản lý} = 1,75\% \times \text{Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / 365.$$

#### Phí giám sát và phí lưu ký

Phí giám sát và phí lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí dưới đây không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí giám sát và lưu ký được xác định như sau:

$$\text{Phí dịch vụ giám sát, lưu ký cho ngày định giá} = \text{Tỷ lệ giá dịch vụ giám sát, lưu ký tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính phí} \times \text{Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá} \times \text{Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / 365.$$

#### Phí lưu ký

Quy mô Quỹ	Giá dịch vụ (trên Giá trị tài sản ròng)
Dưới 600 tỷ đồng	0,06% một năm
Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,0525% một năm

Phí lưu ký tối thiểu: 15.000.000 VND/tháng (phí lưu ký không chịu thuế GTGT).

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 4.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

*Phí giám sát và phí lưu ký (tiếp theo)*

*Phí giám sát*

<i>Quy mô Quỹ</i>	<i>Giá dịch vụ (trên Giá trị Tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai lần một tuần</i>
Dưới 600 tỷ đồng	0,025% một năm
Từ 600 tỷ đồng tới 1000 tỷ đồng	0,022% một năm

Phí giám sát tối thiểu: 5.500.000 VND/tháng, đã bao gồm thuế GTGT 10%.

### 4.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

*Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành ("Thông tư 25"). Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại theo mức thuế suất hiện hành (mức thuế suất năm 2021 là 20%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

*Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư 111, Thông tư 25, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành. Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

### 4.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

### 4.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư 198 được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.



# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 4.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

### 4.14 Nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở

Giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

NAV trên một đơn vị Quỹ bằng NAV chia cho tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Việc xác định giá thị trường các tài sản của Quỹ được thực hiện theo phương pháp quy định tại Điều lệ Quỹ và Sổ tay định giá của Quỹ (*Thuyết minh số 4.3*).

### 4.15 Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và phải thu, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, và chi phí phải trả.

#### *Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá trị ghi sổ.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

## 5. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tiền gửi cho hoạt động của quỹ mở	24.209.121.952	45.575.116.864
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	32.950.000	600.839.000
	<b>24.242.071.952</b>	<b>46.175.955.864</b>

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch do đánh giá lại					Đơn vị tính: VND
	Giá mua [1]	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý [2]	Chênh lệch tăng		Chênh lệch(giảm)/ tăng thuần [5]=[3]-[4]	
			Chênh lệch tăng [3]	Chênh lệch giảm [4]		
Ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Cổ phiếu	624.981.825.484	595.212.622.100	19.372.080.415	49.141.283.799	(29.769.203.384)	595.212.622.100
	<b>624.981.825.484</b>	<b>595.212.622.100</b>	<b>19.372.080.415</b>	<b>49.141.283.799</b>	<b>(29.769.203.384)</b>	<b>595.212.622.100</b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Cổ phiếu	486.574.325.250	573.246.980.300	94.146.985.691	7.474.330.641	86.672.655.050	573.246.980.300
	<b>486.574.325.250</b>	<b>573.246.980.300</b>	<b>94.146.985.691</b>	<b>7.474.330.641</b>	<b>86.672.655.050</b>	<b>573.246.980.300</b>
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập					(116.441.858.434)	



## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>
Phải trả chi phí họp, đại hội Quỹ	420.912.000	48.118.402
Phải trả chi phí kiểm toán	69.300.000	69.300.000
Phải trả chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	30.000.000	30.000.000
	<b>520.212.000</b>	<b>147.418.402</b>

### 8. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>
Phải trả phí quản lý Quỹ	930.014.131	877.890.615
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	33.080.988	63.745.740
Phải trả phí lưu ký	47.922.341	34.136.562
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	24.336.081	23.159.755
Phải trả phí dịch vụ giám sát	14.542.408	13.789.905
	<b>1.049.895.949</b>	<b>1.012.722.577</b>

# Quý Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 9. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp phát hành				Vốn góp mua lại				Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (chứng chỉ quỹ)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (VND)	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ (VND)	Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (chứng chỉ quỹ)	Giá trị vốn góp hiện hành (VND)	Giá trị tài sản ròng bình quân hàng/1 chứng chỉ quỹ (VND)
	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (VND)	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ (VND)	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị vốn góp hiện hành (VND)	Giá trị tài sản ròng bình quân hàng/1 chứng chỉ quỹ (VND)	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ (VND)	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị vốn góp hiện hành (VND)	Giá trị tài sản ròng bình quân hàng/1 chứng chỉ quỹ (VND)
Tại ngày 1/1/2022	56.578.449,62	14.556	565.784.496.200	257.755.885.399	823.540.381.599	(23.608.091,81)	14.915	(236.080.918.100)	(116.034.925.433)	(352.115.843.533)	32.970.357,81	471.424.538.066	18.548								
Phát sinh trong năm	25.565.040,88	16.816	255.650.408.800	174.239.328.038	429.889.736.838	(10.090.542,37)	16.135	(100.905.423.700)	(61.904.436.720)	(162.809.860.420)	15.474.498,51	267.079.876.418	(5.860)								
Tại ngày 31/12/2022	82.143.490,50	15.259	821.434.905.000	431.995.213.437	1.253.430.118.437	(33.698.634,18)	15.280	(336.986.341.800)	(177.939.362.153)	(514.925.703.953)	48.444.856,32	738.504.414.484	12.688								

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 10. (LỖ)/LỢI NHUẬN LŨY KẾ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(29.769.203.384)	86.672.655.050
(Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện	(94.070.429.380)	53.434.347.342
	<b>(123.839.632.764)</b>	<b>140.107.002.392</b>

### 11. CỔ TỨC

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức phát sinh trong năm đã nhận	7.110.025.754	4.051.269.350
Cổ tức dự thu đến cuối năm	1.459.325.000	1.226.633.200
	<b>8.569.350.754</b>	<b>5.277.902.550</b>

### 12. (LỖ)/LỢI NHUẬN BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022			Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	
Tổng giá trị bán (đã bao gồm phí môi giới) VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán VND	Lãi bán chứng khoán VND	
Cổ phiếu	505.794.977.120	645.502.058.366	(139.707.081.246)	57.428.959.652

### 13. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	1.171.173.692	800.885.771
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	758.692.460	429.224.136
	<b>1.929.866.152</b>	<b>1.230.109.907</b>

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ cuối/Tháng 12 năm trước	611.531.540.458	32.970.357,81	18.548	
Kỳ 1/Tháng 1	621.838.500.238	32.970.357,81	18.861	313
Kỳ 2/Tháng 1	616.433.117.852	32.727.199,09	18.835	(26)
Kỳ 3/Tháng 1	592.874.756.061	32.552.310,85	18.213	(622)
Kỳ 4/Tháng 1	604.858.450.033	32.890.395,94	18.390	177
Kỳ 5/Tháng 1	589.916.008.143	33.396.146,32	17.664	(726)
Kỳ 6/Tháng 1	627.575.136.874	34.661.199,78	18.106	442
Kỳ 7/Tháng 1	645.627.171.117	35.307.623,26	18.286	180
Kỳ 8/Tháng 1	665.142.768.363	36.585.925,57	18.180	(106)
Kỳ cuối/Tháng 1	682.295.721.221	37.327.152,60	18.279	99
Kỳ 1/Tháng 2	692.558.610.515	37.327.152,60	18.554	275
Kỳ 2/Tháng 2	697.374.263.774	37.514.609,43	18.589	35
Kỳ 3/Tháng 2	694.500.746.050	37.762.866,38	18.391	(198)
Kỳ 4/Tháng 2	708.016.555.620	38.152.146,90	18.558	167
Kỳ 5/Tháng 2	711.553.032.508	38.301.990,41	18.577	19
Kỳ 6/Tháng 2	714.881.645.875	38.636.377,09	18.503	(74)
Kỳ cuối/Tháng 2	716.902.155.544	38.771.702,37	18.490	(13)
Kỳ 1/Tháng 3	719.348.223.053	38.771.702,37	18.553	63
Kỳ 2/Tháng 3	721.032.945.671	38.825.750,53	18.571	18
Kỳ 3/Tháng 3	706.028.990.924	38.939.556,80	18.131	(440)
Kỳ 4/Tháng 3	712.966.205.078	39.220.523,29	18.178	47
Kỳ 5/Tháng 3	703.376.535.914	39.330.569,22	17.884	(294)
Kỳ 6/Tháng 3	717.692.615.897	39.911.181,29	17.982	98

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 7/Tháng 3	739.839.749.528	40.049.063,99	18.473	491
Kỳ 8/Tháng 3	738.966.091.333	40.120.824,54	18.419	(54)
Kỳ 9/Tháng 3	739.428.255.022	39.986.146,74	18.492	73
Kỳ cuối/Tháng 3	741.179.680.280	40.080.776,14	18.492	-
Kỳ 1/Tháng 4	758.667.453.379	40.371.543,31	18.792	300
Kỳ 2/Tháng 4	750.154.156.423	40.185.575,96	18.667	(125)
Kỳ 3/Tháng 4	730.015.278.386	40.319.940,48	18.106	(561)
Kỳ 4/Tháng 4	749.541.506.472	40.633.855,90	18.446	340
Kỳ 5/Tháng 4	719.625.949.726	40.783.695,79	17.645	(801)
Kỳ 6/Tháng 4	708.576.045.779	41.127.951,13	17.229	(416)
Kỳ 7/Tháng 4	699.184.397.651	41.689.050,73	16.771	(458)
Kỳ 8/Tháng 4	726.214.250.711	43.102.504,42	16.849	78
Kỳ cuối/Tháng 4	745.724.814.478	43.753.420,72	17.044	195
Kỳ 1/Tháng 5	745.603.951.883	43.753.420,72	17.041	(3)
Kỳ 2/Tháng 5	743.408.105.872	43.870.390,58	16.946	(95)
Kỳ 3/Tháng 5	709.643.363.714	44.219.111,92	16.048	(898)
Kỳ 4/Tháng 5	683.481.325.209	44.594.711,98	15.327	(721)
Kỳ 5/Tháng 5	692.316.564.885	45.313.275,65	15.278	(49)
Kỳ 6/Tháng 5	706.315.098.544	45.691.588,95	15.458	180
Kỳ 7/Tháng 5	705.675.759.790	45.925.544,96	15.366	(92)
Kỳ 8/Tháng 5	730.604.275.119	46.156.441,64	15.829	463
Kỳ cuối/Tháng 5	749.888.282.683	46.389.220,97	16.165	336
Kỳ 1/Tháng 6	749.125.560.910	46.382.984,97	16.151	(14)
Kỳ 2/Tháng 6	757.955.293.270	46.477.112,88	16.308	157

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 3/Tháng 6	771.377.958.551	46.596.740,90	16.554	246
Kỳ 4/Tháng 6	722.594.982.665	46.651.555,37	15.489	(1.065)
Kỳ 5/Tháng 6	733.371.459.975	46.855.731,86	15.652	163
Kỳ 6/Tháng 6	691.149.607.616	46.965.832,03	14.716	(936)
Kỳ 7/Tháng 6	704.882.593.933	47.073.002,62	14.974	258
Kỳ 8/Tháng 6	728.160.032.617	47.422.155,92	15.355	381
Kỳ cuối/Tháng 6	716.699.514.625	47.535.622,73	15.077	(278)
Kỳ 1/Tháng 7	706.110.026.920	47.677.740,90	14.810	(267)
Kỳ 2/Tháng 7	696.563.236.857	47.607.479,29	14.631	(179)
Kỳ 3/Tháng 7	702.638.214.944	47.716.388,29	14.725	94
Kỳ 4/Tháng 7	706.083.360.464	47.844.272,28	14.758	33
Kỳ 5/Tháng 7	702.186.242.735	47.758.696,70	14.703	(55)
Kỳ 6/Tháng 7	715.426.401.090	47.800.532,50	14.967	264
Kỳ 7/Tháng 7	705.823.661.617	47.882.910,65	14.741	(226)
Kỳ 8/Tháng 7	722.335.314.723	48.097.489,48	15.018	277
Kỳ cuối/Tháng 7	720.774.512.518	48.195.477,40	14.955	(63)
Kỳ 1/Tháng 8	740.748.124.953	48.195.477,40	15.370	415
Kỳ 2/Tháng 8	748.726.114.140	48.224.176,14	15.526	156
Kỳ 3/Tháng 8	751.216.123.029	48.246.925,89	15.570	44
Kỳ 4/Tháng 8	747.814.635.040	48.390.463,23	15.454	(116)
Kỳ 5/Tháng 8	762.391.857.043	48.427.471,13	15.743	289
Kỳ 6/Tháng 8	760.536.266.218	48.487.618,16	15.685	(58)
Kỳ 7/Tháng 8	759.211.989.637	48.577.355,37	15.629	(56)

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 8/Tháng 8	772.161.480.148	48.607.339,88	15.886	257
Kỳ 9/Tháng 8	768.289.139.933	48.610.082,36	15.805	(81)
Kỳ cuối/Tháng 8	770.146.044.423	48.679.544,53	15.821	16
Kỳ 1/Tháng 9	767.320.865.235	48.679.544,53	15.763	(58)
Kỳ 2/Tháng 9	741.382.115.655	48.728.972,58	15.214	(549)
Kỳ 3/Tháng 9	752.125.920.142	48.739.038,22	15.432	218
Kỳ 4/Tháng 9	747.937.030.081	48.759.696,12	15.339	(93)
Kỳ 5/Tháng 9	733.799.286.811	49.053.440,11	14.959	(380)
Kỳ 6/Tháng 9	728.460.204.863	49.082.666,05	14.841	(118)
Kỳ 7/Tháng 9	695.300.619.092	49.108.493,55	14.158	(683)
Kỳ 8/Tháng 9	675.321.833.569	49.088.935,97	13.757	(401)
Kỳ cuối/Tháng 9	683.438.896.667	49.143.229,65	13.907	150
Kỳ 1/Tháng 10	647.067.280.242	49.143.229,65	13.167	(740)
Kỳ 2/Tháng 10	640.762.776.606	49.215.385,20	13.020	(147)
Kỳ 3/Tháng 10	601.851.727.663	49.203.939,95	12.232	(788)
Kỳ 4/Tháng 10	634.411.396.557	49.275.498,50	12.875	643
Kỳ 5/Tháng 10	645.603.810.108	49.293.308,75	13.097	222
Kỳ 6/Tháng 10	647.000.483.340	49.342.345,83	13.112	15
Kỳ 7/Tháng 10	613.165.122.799	49.365.124,05	12.421	(691)
Kỳ 8/Tháng 10	637.465.192.599	49.422.570,60	12.898	477
Kỳ cuối/Tháng 10	634.977.648.246	49.331.492,64	12.872	(26)
Kỳ 1/Tháng 11	635.525.146.575	49.331.492,64	12.883	11
Kỳ 2/Tháng 11	626.086.190.722	49.275.141,22	12.706	(177)
Kỳ 3/Tháng 11	607.090.545.489	49.179.513,02	12.344	(362)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 4/Tháng 11	588.988.359.274	49.110.217,56	11.993	(351)
Kỳ 5/Tháng 11	561.685.467.734	49.136.185,12	11.431	(562)
Kỳ 6/Tháng 11	590.224.317.437	49.025.219,96	12.039	608
Kỳ 7/Tháng 11	584.299.109.966	48.968.618,95	11.932	(107)
Kỳ 8/Tháng 11	583.727.603.869	48.936.941,43	11.928	(4)
Kỳ 9/Tháng 11	621.865.594.503	48.950.777,68	12.704	776
Kỳ cuối/Tháng 11	631.048.570.379	48.880.746,78	12.910	206
Kỳ 1/Tháng 12	624.342.532.322	48.880.746,78	12.773	(137)
Kỳ 2/Tháng 12	629.471.145.072	48.811.764,02	12.896	123
Kỳ 3/Tháng 12	631.510.783.212	48.756.691,16	12.952	56
Kỳ 4/Tháng 12	634.458.911.375	48.678.859,42	13.034	82
Kỳ 5/Tháng 12	642.915.248.798	48.800.410,80	13.174	140
Kỳ 6/Tháng 12	625.605.094.517	48.688.082,18	12.849	(325)
Kỳ 7/Tháng 12	623.699.046.589	48.557.482,74	12.845	(4)
Kỳ 8/Tháng 12	612.921.114.298	48.479.380,80	12.643	(202)
Kỳ 9/Tháng 12	615.612.745.593	48.451.003,61	12.706	63
Kỳ cuối/Tháng 12	614.664.781.720	48.444.856,32	12.688	(18)

NAV bình quân trong năm	690.222.570.759	
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm Mức Cao Nhất		1.065
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm Mức Thấp Nhất		-

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ cuối/Tháng 12 năm trước	210.082.289.885	15.874.988,99	13.234	
Kỳ 1/Tháng 1	210.045.408.619	15.874.988,99	13.231	(3)
Kỳ 2/Tháng 1	221.273.423.501	15.772.664,62	14.029	798
Kỳ 3/Tháng 1	221.670.847.231	15.576.781,04	14.231	202
Kỳ 4/Tháng 1	225.345.817.967	15.462.236,22	14.574	343
Kỳ 5/Tháng 1	221.583.818.849	15.136.946,86	14.639	65
Kỳ 6/Tháng 1	216.656.790.410	15.123.708,27	14.326	(313)
Kỳ 7/Tháng 1	217.923.722.253	15.123.406,40	14.410	84
Kỳ 8/Tháng 1	192.758.972.255	15.032.126,48	12.823	(1.587)
Kỳ cuối/Tháng 1	202.802.098.067	15.290.710,55	13.263	440
Kỳ 1/Tháng 2	220.332.574.250	15.754.253,70	13.986	723
Kỳ 2/Tháng 2	230.725.782.859	16.402.626,30	14.066	80
Kỳ 3/Tháng 2	243.453.199.236	16.574.683,67	14.688	622
Kỳ 4/Tháng 2	244.017.802.609	16.727.520,99	14.588	(100)
Kỳ 5/Tháng 2	241.776.390.930	16.767.181,34	14.420	(168)
Kỳ cuối/Tháng 2	243.410.655.148	16.868.568,83	14.430	10
Kỳ 1/Tháng 3	242.579.648.056	16.862.994,50	14.385	(45)
Kỳ 2/Tháng 3	242.864.202.967	16.903.247,57	14.368	(17)
Kỳ 3/Tháng 3	246.578.647.896	16.974.385,17	14.527	159
Kỳ 4/Tháng 3	247.265.173.289	17.000.008,78	14.545	18
Kỳ 5/Tháng 3	252.568.281.346	17.049.612,50	14.814	269
Kỳ 6/Tháng 3	251.126.271.674	17.085.619,68	14.698	(116)

# Quý Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 7/Tháng 3	243.584.111.418	17.108.396,44	14.238	(460)
Kỳ 8/Tháng 3	242.717.821.864	17.120.632,28	14.177	(61)
Kỳ cuối/Tháng 3	248.875.697.438	17.217.363,39	14.455	278
Kỳ 1/Tháng 4	254.393.087.919	17.217.363,39	14.775	320
Kỳ 2/Tháng 4	255.992.649.384	17.196.057,40	14.887	112
Kỳ 3/Tháng 4	256.320.238.786	17.126.923,27	14.966	79
Kỳ 4/Tháng 4	257.221.595.939	17.179.420,34	14.973	7
Kỳ 5/Tháng 4	255.453.570.143	16.967.863,53	15.055	82
Kỳ 6/Tháng 4	255.219.784.169	17.084.272,76	14.939	(116)
Kỳ 7/Tháng 4	254.578.187.275	17.233.743,82	14.772	(167)
Kỳ 8/Tháng 4	262.465.657.364	17.371.443,77	15.109	337
Kỳ cuối/Tháng 4	263.133.970.010	17.513.983,49	15.024	(85)
Kỳ 1/Tháng 5	264.315.185.710	17.513.983,49	15.092	68
Kỳ 2/Tháng 5	268.421.898.387	17.635.158,21	15.221	129
Kỳ 3/Tháng 5	271.431.328.432	17.691.405,52	15.343	122
Kỳ 4/Tháng 5	273.235.538.333	17.695.535,36	15.441	98
Kỳ 5/Tháng 5	272.110.090.538	17.683.564,23	15.388	(53)
Kỳ 6/Tháng 5	283.561.411.922	17.940.737,03	15.805	417
Kỳ 7/Tháng 5	290.837.096.987	18.020.876,01	16.139	334
Kỳ 8/Tháng 5	288.527.655.890	18.005.563,33	16.024	(115)
Kỳ cuối/Tháng 5	300.672.218.498	18.340.470,71	16.394	370

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 1/Tháng 6	303.394.284.226	18.340.470,71	16.542	148
Kỳ 2/Tháng 6	312.666.414.719	18.555.797,85	16.850	308
Kỳ 3/Tháng 6	301.610.907.577	18.688.404,39	16.139	(711)
Kỳ 4/Tháng 6	313.011.527.432	19.292.424,48	16.225	86
Kỳ 5/Tháng 6	332.935.477.826	19.741.905,11	16.864	639
Kỳ 6/Tháng 6	337.831.778.021	20.153.761,01	16.763	(101)
Kỳ 7/Tháng 6	345.999.412.719	20.371.404,96	16.985	222
Kỳ 8/Tháng 6	346.008.297.531	20.323.753,35	17.025	40
Kỳ 9/Tháng 6	356.004.873.581	20.376.342,75	17.471	446
Kỳ cuối/Tháng 6	359.296.731.470	20.630.872,00	17.415	(56)
Kỳ 1/Tháng 7	362.941.810.742	20.630.872,00	17.592	177
Kỳ 2/Tháng 7	350.674.192.271	20.876.553,70	16.798	(794)
Kỳ 3/Tháng 7	365.157.958.076	21.325.404,36	17.123	325
Kỳ 4/Tháng 7	367.740.301.322	22.480.409,85	16.358	(765)
Kỳ 5/Tháng 7	381.603.036.360	23.373.827,59	16.326	(32)
Kỳ 6/Tháng 7	383.682.332.569	23.740.811,69	16.161	(165)
Kỳ 7/Tháng 7	394.032.925.596	24.055.126,91	16.380	219
Kỳ 8/Tháng 7	391.940.678.535	24.251.966,52	16.161	(219)
Kỳ 9/Tháng 7	400.621.478.267	24.486.381,46	16.361	200
Kỳ cuối/Tháng 7	409.112.222.979	24.709.877,71	16.557	196
Kỳ 1/Tháng 8	415.368.690.967	24.709.877,71	16.810	253
Kỳ 2/Tháng 8	425.646.580.151	25.064.076,46	16.982	172
Kỳ 3/Tháng 8	427.928.287.925	24.915.934,46	17.175	193
Kỳ 4/Tháng 8	426.193.938.687	25.107.132,81	16.975	(200)
Kỳ 5/Tháng 8	428.740.779.142	25.009.195,99	17.143	168
Kỳ 6/Tháng 8	436.106.126.028	25.186.883,78	17.315	172
Kỳ 7/Tháng 8	414.448.076.875	25.339.538,48	16.356	(959)
Kỳ 8/Tháng 8	425.511.802.327	25.951.937,32	16.396	40
Kỳ cuối/Tháng 8	437.960.163.642	26.140.325,55	16.754	358

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 1/Tháng 9	447.285.130.144	26.463.896,70	16.902	148
Kỳ 2/Tháng 9	453.165.232.786	26.696.921,85	16.974	72
Kỳ 3/Tháng 9	452.942.154.199	26.715.061,55	16.955	(19)
Kỳ 4/Tháng 9	459.174.981.809	26.810.198,39	17.127	172
Kỳ 5/Tháng 9	459.751.502.750	26.956.316,02	17.055	(72)
Kỳ 6/Tháng 9	469.361.727.938	27.200.301,86	17.256	201
Kỳ 7/Tháng 9	466.095.825.371	27.218.378,31	17.124	(132)
Kỳ cuối/Tháng 9	471.160.314.210	27.423.570,21	17.181	57
Kỳ 1/Tháng 10	477.118.540.861	27.472.952,17	17.367	186
Kỳ 2/Tháng 10	483.690.298.563	27.555.691,53	17.553	186
Kỳ 3/Tháng 10	494.844.913.304	27.628.082,93	17.911	358
Kỳ 4/Tháng 10	490.378.309.759	27.428.497,85	17.878	(33)
Kỳ 5/Tháng 10	490.974.358.375	27.355.892,34	17.948	70
Kỳ 6/Tháng 10	491.626.205.789	27.688.263,01	17.756	(192)
Kỳ 7/Tháng 10	494.473.096.703	27.791.312,41	17.792	36
Kỳ 8/Tháng 10	494.688.971.948	26.887.532,48	18.398	606
Kỳ cuối/Tháng 10	503.197.956.244	27.277.388,75	18.447	49
Kỳ 1/Tháng 11	504.143.579.950	27.277.388,75	18.482	35
Kỳ 2/Tháng 11	504.610.759.871	27.392.696,96	18.421	(61)
Kỳ 3/Tháng 11	511.344.702.158	27.549.960,47	18.561	140
Kỳ 4/Tháng 11	511.667.829.154	27.642.817,64	18.510	(51)
Kỳ 5/Tháng 11	516.344.609.214	28.037.868,40	18.416	(94)
Kỳ 6/Tháng 11	527.396.605.369	28.601.819,22	18.439	23
Kỳ 7/Tháng 11	530.834.160.857	28.890.952,97	18.374	(65)
Kỳ 8/Tháng 11	570.187.507.276	30.321.741,96	18.805	431
Kỳ cuối/Tháng 11	562.790.925.357	30.541.479,69	18.427	(378)

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 14. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 1/Tháng 12	566.412.411.681	30.673.563,62	18.466	39
Kỳ 2/Tháng 12	558.817.644.104	30.920.604,00	18.073	(393)
Kỳ 3/Tháng 12	586.948.019.271	31.997.412,48	18.344	271
Kỳ 4/Tháng 12	596.526.559.774	32.422.409,89	18.399	55
Kỳ 5/Tháng 12	596.538.154.585	32.446.172,59	18.385	(14)
Kỳ 6/Tháng 12	599.138.054.393	32.564.058,53	18.399	14
Kỳ 7/Tháng 12	587.105.040.154	32.442.355,87	18.097	(302)
Kỳ 8/Tháng 12	607.422.060.604	32.818.653,17	18.508	411
Kỳ 9/Tháng 12	605.722.765.022	32.869.459,67	18.428	(80)
Kỳ cuối/Tháng 12	611.531.540.458	32.970.357,81	18.548	120
NAV bình quân trong năm	374.854.316.480			
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm Mức Cao Nhất				1.587
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm Mức Thấp Nhất				3



## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 15. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

#### *Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Đến 1 năm	22.533.442,79	22.268.688,87
Trên 1 năm	25.911.413,53	10.701.668,94
	<b>48.444.856,32</b>	<b>32.970.357,81</b>

### 16. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,37%	2,43%
Tốc độ vòng quay danh mục	93,43%	109,61%

#### 16.1 *Tỷ lệ chi phí hoạt động*

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc năm tài chính.

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế TNDN), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ;
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

#### 16.2 *Tốc độ vòng quay danh mục*

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc năm tài chính.

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm}) * 100\%}{2 * \text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 17. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### 17.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

Các phân tích độ nhạy đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

#### *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Quỹ cũng là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.

### 17.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 17. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 17.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

### 18. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	<i>Giá trị ghi sổ VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	595.212.622.100	595.212.622.100
- Cổ phiếu	595.212.622.100	595.212.622.100
Tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải thu	26.077.212.382	26.077.212.382
- Tiền gửi ngân hàng	24.242.071.952	24.242.071.952
- Các khoản phải thu	1.835.140.430	1.835.140.430
	<b>621.289.834.482</b>	<b>621.289.834.482</b>
<b>Nợ tài chính phải trả</b>		
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	1.049.895.949	1.049.895.949
Chi phí phải trả	520.212.000	520.212.000
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	168.762.308	168.762.308
	<b>1.738.870.257</b>	<b>1.738.870.257</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh số 4.3*.

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

#### 19.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Phí quản lý Quỹ	12.074.134.114	6.491.696.145

Các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2022</i> <i>VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2021</i> <i>VND</i>
Phí quản lý Quỹ phải trả	930.014.131	877.890.615

b) Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán như chi phí của Quỹ.

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

### 19.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng HSBC là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng HSBC một khoản phí quản trị quỹ được tính như sau:

*Phí dịch vụ quản trị quỹ (không bao gồm VAT) = Tỷ lệ giá dịch vụ quản trị quỹ tính theo năm \* Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá \* Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá /365, (tối thiểu là 5.000.000 đồng mỗi tháng).*

<i>Quy mô Quỹ</i>	<i>Giá dịch vụ (trên giá trị tài sản ròng) được áp dụng đối với tần suất định giá hai lần một tuần</i>
Dưới 600 tỷ đồng	0,042% một năm
Từ 600 tỷ đồng tới 1.000 tỷ đồng	0,033% một năm

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng HSBC phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng bao gồm các khoản phí như phí duy trì nhà đầu tư, thiết lập dữ liệu nhà đầu tư, đăng kí mua mới hoặc mua lại, hoán đổi và chuyển nhượng,...(tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng).

Các giao dịch trọng yếu trong năm với Ngân hàng Giám sát:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Phí dịch vụ lưu ký	556.136.826	311.720.118
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	554.540.939	494.138.464
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	309.736.277	171.364.219
Phí dịch vụ giám sát	186.729.437	102.963.128

Các số dư với Ngân hàng Giám sát tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>
Tiền gửi ngân hàng	24.242.071.952	46.175.955.864
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	33.080.988	63.745.740
Phải trả phí lưu ký	47.922.341	34.136.562
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	24.336.081	23.159.755
Phải trả phí dịch vụ giám sát	14.542.408	13.789.905

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
<b>Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động</b>		
Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1,75%	1,73%
Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho ngân hàng giám sát/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,11%	0,11%
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,13%	0,18%
Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,02%	0,03%
Chi phí dịch tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,02%	0,03%
<b>Các chỉ tiêu khác</b>		
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)	13,48%	19,39%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư/cổ đông lớn nhất cuối kỳ (%)	24,18%	28,17%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	6,38%	9,35%
Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ (VND)	12.688	18.548
Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể cả giao dịch ký danh	8.312	6.432



## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 21. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)



Bà Nguyễn Thị Kim Oanh  
Người lập



Bà Lê Thị Kim Dung  
Kế toán trưởng



Bà Trần Thị Kim Cương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU MANULIFE (“QUỸ”)

#### 1. Mục tiêu của Quỹ:

Mục tiêu của Quỹ là đem đến sự tăng trưởng giá trị đầu tư vốn trong thời gian từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư vào danh mục cổ phiếu chủ yếu là cổ phiếu niêm yết với một tỷ trọng lớn trong danh mục, tập trung vào các cổ phiếu tốt trong các ngành có hoạt động kinh doanh ít phụ thuộc vào sự thay đổi của chu kỳ kinh tế và các ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

#### 2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Tính đến cuối năm báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 0,51% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu năm báo cáo.

#### 3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Chiến lược đầu tư của Quỹ MAFEQI được xây dựng trên nền tảng của một quy trình đầu tư cổ phiếu kết hợp cả yếu tố Từ Trên Xuống (Top Down – Phân tích tổng quan kinh tế và ngành) và Từ Dưới Lên (Bottom Up – Phân tích cơ bản công ty) với tầm nhìn từ trung đến dài hạn. Phân tích cơ bản công ty là cốt lõi của chiến lược đầu tư này.

#### 4. Phân loại Quỹ:

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 59/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 7 năm 2014 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 16/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014.

#### 5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

#### 6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):

Mức độ rủi ro ngắn hạn của Quỹ ở mức trung bình.

#### 7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 20 tháng 10 năm 2014.

#### 8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 48.444.856,32 tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 484.448.563.200 đồng.

#### 9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:

Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu.

#### 10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

#### 11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lỗ thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là (2.556) đồng.

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

### 1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (%)
Cổ phiếu	95,80	92,36	98,47
Tiền và tương đương tiền	3,90	7,44	1,41
Các tài sản khác	0,30	0,20	0,12
<b>Tổng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

### 2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ	614.664.781.720	611.531.540.458	210.082.289.885
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	48.444.856,32	32.970.357,81	15.874.988,99
2.3. Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị CCQ	12.688	18.548	13.234
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	18.861	18.805	13.234
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	11.431	12.823	7.884
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.9. Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	(31,59)	40,15	14,01
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	(265,09)	1.071,09	(72,93)
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)
2.12. Ngày chốt quyền	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,37	2,43	2,57
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	93,43	109,61	99,46

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

## Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

#### 3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
- 1 năm	-31,59	-31,59
- 3 năm	9,30	3,01
- Từ khi thành lập	26,89	2,95

#### 4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	-31,59	40,15	14,01

### III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

Năm 2022 được xem là một năm nhiều biến động mạnh cả về kinh tế vĩ mô lẫn thị trường chứng khoán xuất phát từ những yếu tố không tiên lượng trước được đã liên tục xảy ra trong cả năm. Chiến tranh Nga – Ukraina, chính sách Không Covid tại Trung Quốc, v.v. đã tạo ra sự gián đoạn chuỗi cung ứng, đẩy giá cả hàng hóa tăng chóng mặt, v.v. dẫn đến lạm phát cao tại Mỹ và Châu Âu. Để đưa lạm phát quay lại mức bình thường Cục Dự trữ Liên Bang Mỹ (Fed) đã 7 lần tăng lãi suất cơ bản đồng USD, đưa lãi suất lên mức 4,25-4,50%, kéo theo làn sóng tăng lãi suất từ các ngân hàng Trung ương toàn cầu.

Với bối cảnh lãi suất đồng USD tăng mạnh và lạm phát toàn cầu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã dùng các công cụ dự trữ ngoại tệ, tăng lãi suất cơ bản và kiểm tăng trưởng tín dụng để giữ giá trị đồng nội tệ và kiểm soát lạm phát. Qua đó, Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng GDP năm 2022 là 8,02%, cao nhất trong một thập kỷ qua, trên cơ sở kiểm soát lạm phát bình quân ở mức 3,15% và giá trị đồng nội tệ chỉ giảm 3,54% so với đồng USD vào cuối năm 2022 (so với đỉnh điểm mất giá lên đến trên 8% trong năm).

Bên cạnh những biến động vĩ mô, thị trường chứng khoán Việt Nam còn bị chi phối mạnh bởi các đợt điều tra và khởi tố sai phạm liên quan đến làm giá cổ phiếu hay sai phạm trong việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp, v.v. Những thay đổi chính sách như Thông tư 65 quy định chặt chẽ về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cũng có những ảnh hưởng trong ngắn hạn khi các doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực bất động sản, sẽ phải tuân thủ các quy định chặt chẽ hơn khi huy động vốn bằng công cụ trái phiếu, dẫn đến lo ngại về việc mất khả năng trả nợ và phá sản. Mặc dù, hầu hết các công ty niêm yết có quy mô vốn hóa lớn đều ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận cao trong năm 2022, những thông tin tiêu cực và tình trạng sử dụng vốn vay margin của các nhà đầu tư cá nhân đã dẫn đến tình trạng bán tháo cổ phiếu. Kết thúc năm 2022, chỉ số VN-Index đã giảm 32,8%, lấy đi gần hết mức tăng của năm 2021 trước đó. Điểm sáng ghi nhận cuối năm là với vùng định giá hấp dẫn của Vn-Index trong 10 năm gần đây, dòng tiền của các nhà đầu tư nước ngoài đã liên tục mua ròng trong tháng 11 và 12, đưa tổng giá trị mua ròng của các nhà đầu tư nước ngoài đạt mốc 1,2 tỷ USD trong năm 2022, so với mức bán ròng trên 3,0 tỷ USD trong hai năm trước đó.

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	Một năm đến thời điểm báo cáo (%)	Ba năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	-241,10	-455,51	-483,79
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	-31,59	9,30	26,89
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	-31,59	3,01	2,95
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)

(a) Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu

(b) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán

► Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất.



► Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	614.664.781.720	611.531.540.458	0,51%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	12.688	18.548	-31,59%

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo):

#### 1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Nguyên nhân tăng giảm quy mô Quỹ, giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ như sau:

CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ đầu kỳ</b>	<b>611.531.540.458</b>
<b>Thay đổi NAV trong năm</b>	<b>(263.946.635.156)</b>
Trong đó:	
- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	(263.946.635.156)
<b>Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ</b>	<b>267.079.876.418</b>
Trong đó:	
- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	429.889.736.838
- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(162.809.860.420)
<b>NAV của Quỹ cuối kỳ</b>	<b>614.664.781.720</b>
<b>Số lượng CCQ đầu kỳ</b>	<b>32.970.357,81</b>
Số lượng CCQ phát hành bổ sung	25.565.040,88
Số lượng CCQ mua lại	(10.090.542,37)
<b>Số lượng CCQ cuối kỳ</b>	<b>48.444.856,32</b>
<b>NAV/CCQ đầu kỳ</b>	<b>18.548</b>
<b>NAV/CCQ cuối kỳ</b>	<b>12.688</b>

#### 2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5000	6.582	7.328.541,32	15,13%
Từ 5000 đến dưới 10.000	891	5.928.884,99	12,24%
Từ 10.000 đến dưới 50.000	734	14.239.239,16	29,39%
Từ 50.000 đến 500.000	101	11.544.163,11	23,83%
Trên 500.000	4	9.404.027,74	19,41%
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.312</b>	<b>48.444.856,32</b>	<b>100,00%</b>

#### 3. Chi phí ngầm và giảm giá

Quỹ không có chi phí ngầm. Tất cả các chi phí của Quỹ được quy định chi tiết trong điều lệ Quỹ và bản cáo bạch.



# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Năm 2023, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP ở mức 6,5%, trên cơ sở mức tăng CPI bình quân khoảng 4,5%. Thách thức trong ngắn hạn đến từ nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu chính có thể tiếp tục giảm tốc trong quý 1-2023 và sức mua tiêu dùng nội địa bị ảnh hưởng do quy mô sản xuất ở một số ngành bị thu hẹp từ cuối năm 2022. Ngược lại, những yếu tố tích cực đóng góp cho tăng trưởng GDP được kỳ vọng từ chi tiêu công của Chính phủ trong việc đầu tư mạnh hệ thống giao thông đường cao tốc Bắc - Nam, đầu tư sân bay Quốc tế Long Thành (Đồng Nai), đầu tư các dự án điện và thăm dò, khai thác dầu khí, v.v. Hạ tầng được đầu tư mạnh cùng với những cải cách không ngừng về môi trường đầu tư, đội ngũ nhân lực chất lượng cao, v.v. sẽ hỗ trợ thu hút dòng vốn đầu tư FDI, đặc biệt là dòng vốn FDI hướng đến công nghệ cao và kinh tế tuần hoàn, trong bối cảnh các tập đoàn đa quốc gia xem Việt Nam là điểm đến lý tưởng cho chính sách Trung Quốc+1. Bên cạnh đó, Trung Quốc mở cửa sau chính sách Không Covid sẽ mở ra cơ hội xuất khẩu cho một số lĩnh vực trọng tâm của kinh tế Việt Nam, giảm gián đoạn chuỗi cung ứng cho hoạt động sản xuất tại Việt Nam, cũng như đón lượng khách du lịch tiềm năng từ quốc gia đông dân nhất thế giới.

Với tầm nhìn đầu tư dài hạn, trên cơ sở ổn định và phát triển bền vững của bức tranh kinh tế vĩ mô, thị trường cổ phiếu Việt Nam sẽ mang lại cơ hội đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư, đặc biệt trong bối cảnh thị trường cổ phiếu đang có mức định giá hấp dẫn và hợp lý trong một thập kỷ qua. Những thay đổi về chính sách đối với thị trường cổ phiếu và trái phiếu trong thời gian qua sẽ góp phần lành mạnh hóa thị trường, tăng lòng tin cho các nhà đầu tư và tạo nền tảng cho thị trường chứng khoán nói chung phát triển bền vững trong trung và dài hạn. Vì vậy, chúng tôi tin rằng thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục là kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế và có nhiều tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn.

## VI. THÔNG TIN KHÁC

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn ("TNHH") Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005.

### 1. Ban điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ")

#### Bà Trịnh Bích Ngọc - Chủ tịch

##### *Trình độ chuyên môn*

- Tốt nghiệp Học viện Quan hệ Quốc tế, Postdam, CHDC Đức cũ;
- Học vị FLMI do Hiệp hội Quốc tế đào tạo chuyên ngành tài chính bảo hiểm LOMA cấp;
- Kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán do UBCKNN Việt Nam đào tạo.

##### *Kinh nghiệm làm việc*

- 1990 - 1994: Cán bộ tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, CARE International;
- 1994 - 2000: Trợ lý Trưởng Đại diện, VPĐD Công ty Manulife Financial (Canada) tại Hà Nội;
- 2000 - nay: Giám đốc Điều hành, Chi nhánh Hà Nội, Công ty TNHH Manulife Việt Nam.
- 2006 - nay: Chủ tịch, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) từ tháng 6 năm 2006.

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 2. Đội ngũ quản lý đầu tư Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

##### **Bà Trần Thị Kim Cương, CFA - Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư**

###### *Trình độ chuyên môn*

- Thạc sĩ kinh doanh Đại học Monash, Melbourne, Úc, chuyên ngành Tài chính và Kế toán;
- Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst);
- Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

###### *Kinh nghiệm làm việc*

- 2001 - 2002: Kiểm toán viên công ty kiểm toán KPMG Việt Nam;
- **2003 - 2006: Giảng viên Khoa Kế toán Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế TPHCM;**
- 2007 - 2010: Chuyên viên phân tích cấp cao, Phó phòng Đầu tư cổ phiếu, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam);
- 2010 - 2011: Trưởng phòng kế hoạch và đầu tư Công ty PepsiCo Việt Nam;
- 2011 - tháng 5 năm 2015: Giám đốc Đầu tư cổ phiếu, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam);
- Từ tháng 5 năm 2015 - nay: Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

##### **Bà Nguyễn Thị Yến – Trưởng phòng Đầu Tư Cổ Phiếu**

###### *Trình độ chuyên môn*

- Tốt nghiệp Cử nhân Kế toán, Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội
- Chứng chỉ Hành Nghề Quản Lý Quỹ do UBCKNN cấp

###### *Kinh nghiệm làm việc*

- 2006-2019: Trưởng phòng phân tích, Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- 2019-2020: Chuyên viên phân tích đầu tư cấp cao, Công ty Quản lý Quỹ VinaCapital
- 2020- 6/2022: Chuyên viên Phân tích đầu tư cấp cao, Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
- Từ 6/2022: Trưởng phòng Đầu tư Cổ Phiếu, Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

##### **Bà Nguyễn Liêu Thanh Vân – Chuyên viên phân tích đầu tư**

###### *Trình độ chuyên môn*

- Tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Đại học City University, London;
- Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

###### *Kinh nghiệm làm việc*

- 2009 - nay: Chuyên viên phân tích đầu tư, phòng Đầu Tư Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 2. Đội ngũ quản lý đầu tư Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

##### **Ông Nguyễn Đức Hải, CFA - Giám đốc Đầu tư Chứng Khoán có lãi suất cố định**

###### *Trình độ chuyên môn*

- Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng, Đại học Ghent, Vương quốc Bỉ;
- Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst);
- Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

###### *Kinh nghiệm làm việc*

- 2006 - 2011: Trưởng phòng Phân tích - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam;
- 2011 - nay: Giám đốc Đầu tư Chứng khoán thu nhập cố định, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

#### 3. Ban Đại diện Quỹ

##### **Ông Đinh Thế Hiền - Chủ tịch Ban đại diện Quỹ**

###### *Trình độ chuyên môn*

- Tốt nghiệp Cử nhân Kế toán, Đại học Tài chính - Kế toán TPHCM;
- Tốt nghiệp Kỹ sư máy tính, Đại học Bách khoa TPHCM;
- Thạc sĩ Tài chính, Đại học Kinh tế TPHCM;
- Tiến sĩ Tài chính, Đại học Capitol.

###### *Kinh nghiệm làm việc*

- 1993 - 1995: Chủ nhiệm bộ môn Tin học - Kế toán, Trường Kinh tế Đối ngoại Trung ương;
- 1997 - 2003: Phó phòng thẩm định, Quỹ Đầu tư phát triển đầu tư TPHCM;
- 2007 - 2010: Trưởng khoa Tài chính kế toán, Đại học Công nghệ thông tin Gia Định;
- 2004 - 2014: Viện Trưởng Viện Nghiên cứu Tin học và Kinh tế ứng dụng;
- 2007 - nay: Ủy viên Ủy Ban chiến lược, ngân hàng Eximbank.

##### **Bà Nguyễn Lê Bích Đào - Thành viên Ban đại diện Quỹ**

###### *Trình độ chuyên môn*

- Tốt nghiệp Cử nhân Anh văn, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn TPHCM;
- Tốt nghiệp Cử nhân Luật thương mại, Đại học Luật TPHCM;
- Thạc sĩ Luật thương mại quốc tế, Đại học West of England;
- Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

###### *Kinh nghiệm làm việc*

- 2002 - 2004: Luật sư tập sự, công ty Luật Hoàng Quân;
- 2005 - 2008: Luật sư, công ty Luật Russin & Vecchi;
- 2009 - 2010: Luật sư, công ty Luật Mayer Brown JSM;
- 2010 - 2012: Giám đốc Pháp lý và Tuân thủ, công ty TNHH Quản lý Quỹ Prudential (nay là Eastspring);
- 2012 - nay: Giám đốc, trưởng phòng Pháp lý và Tuân thủ, công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 3. Ban Đại diện Quỹ (tiếp theo)

#### **Ông Võ Sáng Xuân Vinh - Thành viên Ban đại diện Quỹ**

*Trình độ chuyên môn*

- Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế quốc tế, Đại học Ngoại thương;
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Trung tâm Pháp Việt đào tạo quản lý;
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính quốc tế, Đại học Birmingham;
- Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst);
- Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

*Kinh nghiệm làm việc*

- 1997 - 1998: Trợ lý kiểm toán, công ty kiểm toán PricewaterhouseCoopers;
- 1998 - 2001: Phó phòng thẩm định, Quỹ đầu tư phát triển đô thị TPHCM;
- 2001 - 2003: Cán bộ đầu tư, Mekong Capital;
- 2003 - 2005: Phó Giám đốc, công ty TNHH Tư Vấn và Phát Triển Công Kỹ Nghệ ECO;
- 2005 - 2007: Trưởng Đại diện tại Việt Nam, Giám đốc Đầu tư, Văn phòng Đại diện Thường trú Aueros Philippine Adviser, Inc;
- 2008 - 2012: Thành viên Ban Kiểm soát, công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam; Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn;
- 2012 - nay: Phó Giám đốc, công ty TNHH Tư vấn Sóng Xanh.



Bà Trần Thị Kim Cương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

# Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Manulife ("Quỹ MAFEQI" hay "Quỹ") cho kỳ báo cáo niên độ năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong năm 2022, Quỹ MAFEQI đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ" hoặc "CTQLQ") đã tuân thủ các hạn chế đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ và văn bản pháp luật liên quan;
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ MAFEQI đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;
- CTQLQ đã có quy trình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Về mặt vận hành, chúng tôi ghi nhận Đại Lý Phân Phối trong quá trình xử lý lệnh của Nhà Đầu Tư vì lý do kỹ thuật đã thực hiện một lệnh bán trong kỳ tiếp theo và số tiền bán chứng chỉ quỹ Nhà Đầu Tư nhận được từ giao dịch này vẫn được đảm bảo;
- Các nội dung liên quan đến phân phối lợi nhuận của Quỹ MAFEQI phát sinh trong kỳ báo cáo: Không có; và
- Công ty Quản lý Quỹ đã tuân thủ các quy định về hạn chế vay, hạn chế giao dịch được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Đại diện Ngân hàng Giám sát



Võ Hồng Nhung  
Bộ phận Nghiệp vụ Chứng khoán

Trần Thị Phương Nhi  
Bộ Phận Nghiệp Vụ Chứng Khoán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023